

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 03-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lê

Bà Lãnh Thị Muôn

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Bích T - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự T4 lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16 tháng 01 năm 1983, tại A, huyệ Y, H Dương; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Z179, xã R, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trước khi phạm tội là Giám đốc Giám đốc Công ty TNHH Khai thác và chế biến Khoáng sản Cao Bằng. Con ông: Phạm Văn M, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1949, đều trú tại Khu tập thể Z179, xã R, huyện Q, Thành phố HÀ NỘI. Anh, chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ: Vũ Thị Đ; Sinh năm 1984; Con: bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Nguyễn Bình từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Từ ngày 08/01/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Thị Y; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16 tháng 6 năm 1976, tại S, Thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Xóm X, xã S, huyện S, Thành phố HÀ NỘI;

Nơi tạm trú: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã S, huyện S, Thành phố HÀ NỘI. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Đào Tân C, đã chết; Con bà: Ngô Thị S, sinh năm 1944, trú tại thị trấn L, huyện K, Vĩnh Phúc. Anh, chị em ruột: Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Chồng: không. Con: bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Từ ngày 08/01/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trung Kiên; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 05 tháng 02 năm 1982, tại N, Thái Nguyên; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Xóm G, xã D, huyện N, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Nguyễn Quang T, sinh năm 1960; Con bà: HÀg Bích P, sinh năm 1960, đều trú tại Xóm G, xã D, huyện N, tỉnh Thái Nguyên. Anh, chị em ruột: Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Lê Khánh L - sinh năm 1984; Con: Có 04 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2023 (Ngày 20/11/2023 vợ bị cáo đã sinh thêm con tên Nguyễn Tiến L). Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Từ ngày 08/01/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Liên đoàn địa chất Đông Bắc

Địa chỉ trụ sở: Ngõ 442/1, đường Cách mạng tháng Tám, phường T, Thành phố H, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1969; Chức vụ: Liên đoàn trưởng Liên đoàn địa chất Đông Bắc. Vắng mặt.

2. Đại diện xóm C, xã V (Nay là xóm P, S) huyện N, tỉnh Cao Bằng: Ông Triệu Tồn N; chức vụ: Trưởng xóm. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân T2; Sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nHÀ 83, tổ 10, phường B, Thành phố P, Cao Bằng. Có mặt.

4. Ông Thái Hồng V; Sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nHÀ 95, tổ 6, phường X, Thành phố P, Cao Bằng. Có mặt.

5. Ông Trần Đình Tuấn; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Xóm 1, xã Chu Trinh, Thành phố P, Cao Bằng. Có mặt.

6. Ông Đàm Đình T3; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Xóm 4, xã Chu Trinh, Thành phố P, Cao Bằng. Có mặt.

7. Ông Lý Đào H1; sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm P, xã S, huyện N, Cao Bằng. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Lục H1; Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 5, phường D. Thành phố P, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Bà Triệu Thị L; sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 6, phường G, Thành phố P, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Ông Lã Tất Khánh; sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

4. Ông Bàn Đức T3; Sinh năm: 1984;

Địa chỉ công tác: Ủy ban nhân dân xã V (Xóm V, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Có mặt.

5. Bà Nông Thị H3; Sinh năm 1976

Địa chỉ công tác: Phòng Tài Nguyên - Môi trường huyện N (Tổ dân phố 3, thị trấn Nguyên Bình, huyện N, Cao Bằng). Có mặt.

6. Ông Lý Kiềm C; Sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm P, xã S, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

7. Ông Bế Ngọc P; sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện U, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

8. Ông Tống Đức T3; Sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm I, xã O, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

9. Ông Lương Trần T4; Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Tổ 16 Cụm 2, X, quận K, TP. HÀ NỘI. Vắng mặt.

10. Ông Hồ Minh H: Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: 33A ngách 211/237, phường K, quận R, Thành phố HÀ NỘI. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2022, Đào Thị Y (sinh năm 1976, trú tại xóm X, xã S, huyện S, Thành phố HÀ NỘI) Thuê Phạm Văn T, (sinh năm 1983, trú tại Khu tập thể Z179, xã R, huyện Q, Thành phố HÀ NỘI, T là Giám đốc Công ty TNHH Khai thác và chế biến Khoáng sản Cao Bằng có địa chỉ tại Tổ 3, phường X, Thành phố P, tỉnh Cao Bằng), hai bên thỏa Tận T tư vấn cho Y làm hồ sơ đóng cửa mỏ vàng Nộc

Soa tại xã Ca Thành, huyện N, tỉnh Cao Bằng, tiền công là: 300.000.000 đồng. Sau khi thỏa Tận xong, Y đã chuyển tiền cho T số tiền 250.000.000 đồng. T làm hồ sơ theo thỏa Tận nhưng nhiều vướng mắc không thực hiện được, nên T đã đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng xin giấy giới thiệu số 35/GGT-STNMT đề tháng 10 năm 2022 lấy tên Nguyễn Minh T3 - C bộ liên đoàn địa chất Đông Bắc đến huyện N tiến HÀNH điều tra đánh giá vàng và các khoáng sản (có giá trị đến hết ngày 31/12/2022) T chụp ảnh gửi cho Y qua ứng dụng Zalo (T gặp T3 một lần, chỉ biết T3 làm trong lĩnh vực khoáng sản, không rõ địa chỉ) mục đích để tiến HÀNH khảo sát, kiểm tra trước khu vực bên trong mỏ vàng Nộc Soa có khoáng sản hay không, do thời gian hiệu lực của giấy giới thiệu này ngắn nên không thực hiện được. Đến tháng 02/2023, Y yêu cầu T trả tiền cọc trước đó. T thỏa Tận T2 với Y sẽ T2 tục đến sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng làm thêm giấy giới thiệu mới, mục đích để Y có cơ hội thăm dò các điểm có tiềm năng khoáng sản và Y đồng ý.

Trước đó cũng vào khoảng cuối năm 2022 Đào Thị Y quen Nguyễn Trung Kiên (sinh năm 1982, trú tại xóm G, xã D, huyện N, tỉnh Thái Nguyên) và giữa hai người có mối quan hệ làm ăn liên quan đến lĩnh vực khoáng sản. Khoảng đầu tháng 02/2023, Y cho Kiên xem ảnh qua Zalo (Giấy giới thiệu số 35 mà T gửi cho Y) và ngó ý rủ Kiên tìm địa điểm có khoáng sản để khai thác để cùng nhau làm, do thời hạn của giấy giới thiệu số 35 đã hết hạn nên Y bàn bạc với Kiên sẽ làm một giấy giới thiệu mới thì được Kiên đồng ý. Ngày 19/02/2023, Y nhắn tin cho Kiên với nội dung Kiên cung cấp họ tên của Kiên để xin cấp Giấy giới thiệu mới và được Kiên đồng ý. Sau đó Y cung cấp thông tin của Kiên cho T để T thực hiện việc xin giấy giới thiệu. Chiều ngày 22/02/2023, T đã Thuê hai người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) tại Thành phố P, đến Phòng tài nguyên nước và khoáng sản Tộc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng để liên hệ lấy giấy giới thiệu (T trả công cho mỗi người một bộ quần áo) và đưa cho hai người này Công văn số 255/UBND-CN ngày 09/02/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng và Công văn số 250/STNMT-Đ-KS ngày 08/02/2023 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Cao Bằng. Hai người đàn ông trên đã đến gặp Nguyễn Xuân T2 (sinh năm 1983, là trưởng phòng tài nguyên nước và khoáng sản) và tự giới thiệu là C bộ của Liên đoàn địa chất Đông Bắc đến để xin giấy giới thiệu đến huyện Nguyên Bình để thực hiện đề án điều tra đánh giá khoáng sản. Do biết thông tin Ủy ban nhân dân tỉnh đã chấp Tận cho Liên đoàn địa chất Đông Bắc T2 tục triển khai thủ tục thi công thực địa Đề án nên Nguyễn Xuân T2 đã chỉ đạo anh Thái Hồng V (Chuyên viên Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản), lấy thông tin hai người trên để làm giấy giới thiệu cho hai người này. Quá trình thực hiện việc cấp giấy giới thiệu, Thái Hồng V không yêu cầu các đối tượng trình giấy tờ tùy thân mà chỉ lấy thông

tin tên, tuổi sau đó nhờ văn thư là Triệu Thị L đánh máy và L trình Ông Lê Lục H1 (Chánh Văn phòng Sở) ký. Sau khi làm xong giấy giới thiệu thì L đưa cho V và V đưa lại cho Nguyễn Xuân T2 kiểm tra, sau đó V đưa Giấy giới thiệu (04 bản có dấu đỏ) cho hai người đàn ông trên và hai người này về đưa lại cho T 04 (bốn) bản giấy giới thiệu số 05/GGT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/02/2023 có tên của Nguyễn Trung Kiên và Nguyễn Minh T3 và 02 công văn mà T đã đưa cho trước đó. Đến tối cùng ngày, T gặp Y tại Thành phố P và đưa cho Y số giấy tờ trên kèm theo Công văn số 255 của UBND tỉnh Cao Bằng và Công văn số 250 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng. Sau khi lấy được các bản giấy giới thiệu và giấy tờ trên, Y đã đưa cho Nguyễn Trung Kiên xem các giấy tờ này thống nhất sẽ cùng nhau tìm điểm có khoáng sản để cùng nhau làm. Để thực hiện được việc thăm dò khoáng sản, Kiên liên hệ với Lã Tất Khánh (sinh 1985, trú tại Thôn 5, xã Trung Môn, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) trao đổi "đã có giấy tờ hợp pháp để đi thăm dò khoáng sản" nên Khánh đã tin tưởng và cùng góp vốn với Kiên và hỗ trợ tìm địa điểm thăm dò khoáng sản. Khánh đã tìm Thuê được khu đất của ông Đặng Đào H1 (sinh 1963, trú tại P, S, Nguyên Bình, Cao Bằng) tại khu vực bờ sông Năng Tộc xóm C, xã V, huyện N để tiến HÀNH đào xới đất thăm dò khai thác khoáng sản. Sau khi Kiên đã Thuê được đất, Y và T bàn bạc sẽ đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N để T2 tục liên hệ công tác, Y nhờ Hồ Minh H (sinh 1987, trú tại 33A ngách 211/237, phường K, Quận R, Thành phố HÀ NỘI) lái xe đưa T đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. H không biết mục đích T đến UBND huyện N để làm gì nhưng cũng đi cùng T đến phòng làm việc của bà Nông Thị HÀ, tại đây T trực T2 đưa giấy giới thiệu số 05 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 22/02/2023 cho Bà H3 cùng Công văn số 255 của UBND tỉnh Cao Bằng và Công văn số 250 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng (đều là bản photo) và giới thiệu với HÀ người đi cùng T là Nguyễn Trung Kiên là người có tên trong giấy giới thiệu số 05 đến để liên hệ công tác thực hiện thăm dò khoáng sản tại xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng (H ngồi cạnh T tại bàn uống nước nhưng không biết T đang trao đổi công việc gì với Bà H3), tuy nhiên sau khi xem giấy giới thiệu, Bà H3 yêu cầu T phải bổ sung một số giấy tờ, phương án thì mới thực hiện được việc thăm dò nên T cùng H ra về.

Sau đó vài ngày, Y, T, Kiên bàn bạc việc đến UBND xã V để liên hệ công tác theo Giấy giới thiệu cùng các công văn trên. T đã cùng Kiên đến xã V gặp ông Bàn Đức T3 (Chủ tịch UBND xã) T giới thiệu Kiên là người của liên đoàn địa chất Đông Bắc, qua trao đổi, ông T3 cơ bản nhất trí và yêu cầu T, Kiên cần bổ sung thêm một số tài liệu để xã biết tình hình. Ngày 16/4/2023, Kiên và Khánh Thuê máy xúc với ông Trần Đình Tuấn (sinh 1987, trú tại xóm 1, xã Chu Trinh,

Thành phố P), máy xúc do ông Đàm Văn T3 điều khiển vào địa điểm xã V để tiến HÀNH khai thác khoáng sản. Đến ngày 17/4/2023 Đàm Văn T3 tự mình điều khiển máy xúc vào khu vực bờ sông Năng theo lối đường mòn và làm thiệt hại 1.934,6m² đất rừng phòng hộ và 7,273m³ gỗ thông thường, từ ngày 17/4/2023 đến ngày 18/4/2023 Lã Tất Khánh Thuê thêm một số công nhân để san ủi mặt bằng, Nguyễn Trung Kiên là người trực T2 chỉ đạo T3 đào xới khu vực đất tại bờ sông Năng để thăm dò khoáng sản với diện tích 534m². Đến ngày 19/4/2023 thì vụ việc bị đoàn kiểm tra liên ngành xã V phát hiện và lập biên bản.

Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 24/4/2023, Y gọi T, Kiên và Khánh đến phòng trọ của Y (tại tổ dân phố 1 thị trấn T, Nguyên Bình) Y chỉ đạo T dẫn Kiên và Khánh vào xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng để làm việc. Trong quá trình làm việc, do đã bàn bạc từ trước nên Nguyễn Trung Kiên đã tự nhận bản thân là C bộ của Liên đoàn địa chất Đông Bắc và trình ra giấy giới thiệu số 05, Công văn số 255 của UBND tỉnh Cao Bằng, văn bản số 250 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng mục đích là để qua mắt sự kiểm tra, xử lý của cơ quan chức năng đối với Hành vi đào xới đất thăm dò khoáng sản đã thực hiện, còn Đào Thị Y đã đốt, tiêu hủy giấy giới thiệu do T đưa cho. Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan điều tra đã khởi tố, bắt tạm giam Đào Thị Y, Phạm Văn T, Nguyễn Trung Kiên về Hành vi Giả mạo vị trí công tác. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thừa nhận Hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã T thập được.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS NB ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Đào Thị Y, Nguyễn Trung Kiên về tội “Giả mạo vị trí công tác” theo quy định tại Điều 339 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Đào Thị Y, Nguyễn Trung Kiên phạm tội “Giả mạo vị trí công tác” theo quy định tại Điều 339 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng Điều 339; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T và Đào Thị Y. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức phạt tù 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Xử phạt bị cáo Đào Thị Y mức phạt tù 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- + Áp dụng Điều 339; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự đối bị cáo Nguyễn Trung Kiên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Kiên mức phạt tù 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến

30 tháng.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của ông Lý Đào H1 đề nghị các bị cáo phải có nghĩa vụ san gạt khôi phục lại tình trạng đối với khu đất đã bị đào xới (Hoàn thổ). Tuy nhiên trong Quyết định xử phạt HÀNH chính số 908/QĐ-XPHC ngày 21/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng xử phạt Nguyễn Trung Kiên trong đó có buộc Nguyễn Trung Kiên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Do đó đề nghị của ông Lý Đào H1 tại phiên tòa hôm nay không có căn cứ.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch T phát mại sung quỹ NHÀ nước 02 (Hai) chiếc điện thoại T giữ được của bị cáo T và bị cáo Kiên vì liên quan đến Hành vi phạm tội.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đối với những người liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa gồm: Đại diện lãnh đạo Liên đoàn địa chất Đông Bắc, đại diện xóm C, xã V (nay là xóm P, xã S), huyện N, tỉnh Cao Bằng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày không có ý kiến gì khác.

Đối với những người liên quan có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân T2, ông Thái Hồng V, ông Đàm Văn T3, ông Trần Đình Tuấn trình bày không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa người liên quan ông Lý Đào H1 yêu cầu buộc các bị cáo có trách nhiệm thực hiện việc san gạt lại đất (Hoàn thổ) đã thuê của gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về HÀNH vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người liên quan, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về HÀNH vi, quyết định của cơ quan tiến HÀNH tố tụng, người tiến HÀNH tố tụng; Do đó các HÀNH vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến HÀNH tố tụng, người tiến HÀNH tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Người liên quan, người làm chứng trong vụ án này đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do và không lý do. Tuy nhiên lời khai của những người liên quan, người làm chứng vắng mặt đã được T thập đầy đủ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến HÀNH xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Trung Kiên, Phạm Văn T và Đào Thị Y đều thừa nhận bản kết luận điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát đã thể hiện đúng với Hành vi phạm pháp luật của mình trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T, Đào Thị Y, Nguyễn Trung Kiên không phải là C bộ Tộc liên đoàn địa chất Đông Bắc nhưng khi biết thông tin Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng có công văn chấp Tận việc T2 tục cho Liên đoàn địa chất Đông Bắc triển khai thủ tục thi công thực địa đề án Điều tra, đánh giá khoáng sản vàng và các khoáng sản đi kèm phần phía đông bắc đứt gãy Sông Hồng tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nên khoảng tháng 02 năm 2023, T, Y, Kiên đã bàn bạc dùng thông tin giả của Kiên mạo nhận là C bộ của Liên đoàn địa chất Đông Bắc đến liên hệ xin cấp giấy giới thiệu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng mục đích dùng giấy giới thiệu trên để đến huyện Nguyên Bình thăm dò khoáng sản trái phép. Sau khi xin cấp được giấy giới thiệu, cả ba đối tượng đã cùng Thuê đất để thăm dò, đào xới khai thác khoáng sản tại xóm C, xã V (hiện nay là xóm P, xã S) huyện N, tỉnh Cao Bằng đồng thời mang giấy giới thiệu đi liên hệ với các Cơ quan chức năng trên địa bàn huyện N để làm thủ tục thăm dò khai thác khoáng sản T2 theo. Ngày 19/4/2023 khi đang triển khai việc tiến HÀNH thăm dò, khai thác khoáng sản trái phép thì bị lập biên bản yêu cầu tạm dừng thi công. Để đối phó với cơ quan chức năng Y, T, Kiên bàn bạc cử Nguyễn Trung Kiên mạo danh là C bộ của liên đoàn địa chất Đông Bắc làm việc với cơ quan chức năng. Việc các bị cáo biết thông tin về chủ chương của UBND tỉnh Cao Bằng chấp Tận cho Liên đoàn địa chất Đông Bắc triển khai thủ tục thi công đề án điều tra, đánh giá vàng và các khoáng sản đi kèm phần phía Đông Bắc đứt gãy Sông Hồng trên một số huyện của tỉnh Cao Bằng đã lợi dụng để cùng thực hiện Hành vi san gạt, đào xới

đất tại xóm P, xã S, Nguyên Bình trái phép nhằm mục đích khai thác khoáng sản với lỗi cố ý trực T2. Tuy nhiên sau khi bị các cơ quan có thẩm quyền phát hiện Hành vi và nhắc nhở, các bị cáo đã dừng lại và tích cực hợp tác với cơ quan trong quá trình giải quyết vụ án. Việc các bị cáo có sự bàn bạc về việc thăm dò khoáng sản khi có được giấy giới thiệu số 05 của Sở Tài Nguyên và Môi trường chỉ là đồng phạm giản đơn, cùng biết, cùng làm, cùng thực hiện Hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực T2 xâm phạm đến trật tự quản lý HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC về vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân, làm mất trật tự trị an tại địa phương, đã phạm vào tội “Giả mạo vị trí công tác”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 339 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51. Bị cáo T có bố được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng N, bị cáo Y có mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất nên các bị cáo T, Y được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Kiên khi Hành vi phạm pháp luật bị phát hiện đã khai ra bị cáo T và bị cáo Y và tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án nên bị cáo Kiên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị tạm giam, các bị cáo cũng tỏ rõ được sự ăn năn về Hành vi sai trái của mình, xét khả năng tự cải tạo của các bị cáo có thể được đảm bảo với điều kiện giao việc quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo trở Thành công dân sống có ích cho xã hội.

[5] Về tội danh và quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo; căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất và Hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này, xuất phát từ mục đích khai thác khoáng sản trái phép vì lợi nhuận, các bị cáo đã bàn bạc để đối phó với cơ quan quản lý như T giữ vai trò tích cực nhất thể hiện ở việc khi cơ quan chức năng đến kiểm tra và phát hiện Hành vi phạm HÀNH CHÍNH, T đã cùng Kiên, Y bàn bạc việc cho Kiên giả là C bộ Liên đoàn địa chất đến làm việc với xã. Bị cáo

T là người có công ty riêng làm trong lĩnh vực khoáng sản, là người hiểu rõ về quy trình để làm thủ tục pháp lý lĩnh vực khảo sát ngoài thực địa..., đã lợi dụng mối quan hệ của mình để thực hiện Hành vi phạm tội một cách liêu lĩnh như đến liên hệ công việc tại phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện, tại UBND xã V... Bị cáo Y chỉ vì muốn có thời gian để thăm dò khoáng sản đã nhờ T lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan chức năng trong việc quản lý khoáng sản đã tích cực cùng T thực hiện Hành vi giả mạo như cho H đi cùng T đến phòng Tài nguyên và Môi trường để liên hệ công việc... Bị cáo Kiên vì tin tưởng vào Y lo được thủ tục pháp lý để cùng làm ăn đã a dua và giả mạo mình là C bộ Tộc liên đoàn địa chất Đông Bắc để cùng T thực hiện mục đích khai thác khoáng sản của mình, là người tác động trực T2 đến Hành vi phạm phạm HÀNH chính của Đàm Văn T3. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc đó thể hiện sự coi thường pháp luật nên cũng cần có một hình phạt nghiêm khắc đối với cả ba bị cáo. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong thời gian bị giam giữ, đã Thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải về Hành vi phạm tội của mình, nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án nhận ra lỗi lầm, tích cực cải tạo để trở Thành người có ích cho gia đình và xã hội nên khi xem xét lượng hình Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc lượng hình phạt tương xứng với Hành vi phạm tội của các bị cáo.

Do vậy Cáo trạng số 11/CT-VKSNN ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “Giả mạo vị trí công tác” theo quy định tại Điều 339 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thực HÀNH quyền công tố đã đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án tù từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; Bị cáo Đào Thị Y mức án tù từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; Bị cáo Nguyễn Trung Kiên mức án tù từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp, cần chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 02 (Hai) điện thoại di động đã qua sử dụng: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, có số IMEI : 353047093633851 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, có số IMEI: 353266543015572 T giữ của bị cáo Kiên và bị cáo T xác định là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch T, phát mại sung quỹ NHÀ nước.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sung quỹ NHÀ nước theo quy định của pháp luật.

[7] Vấn đề khác:

Đối với những người liên quan Nguyễn Xuân T2, Thái Hồng V là những người vào thời điểm các bị cáo phạm tội đang thực hiện vai trò quản lý NHÀ nước về lĩnh vực khoáng sản, là công chức công tác tại phòng có chức năng tham mưu chính cho Sở Tài nguyên và Môi trường đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra thông tin, không tuân thủ theo đúng quy trình về T2 công dân trong công tác mình đảm trách, dẫn đến việc các đối tượng lợi dụng giả mạo vị trí công tác thực hiện Hành vi trái pháp luật. Tuy nhiên Hành vi những người này chưa đủ yếu tố cấu Thành tội phạm. Nên kiến nghị đơn vị chủ quản là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng có phương án xử lý cụ thể về trách nhiệm C bộ lãnh đạo, công chức trong lĩnh vực quản lý của Sở đến từng vị trí công tác. Trường hợp xác định được Hành vi của những người này có ý thức chủ quan liên quan đến tội phạm khác, sẽ xem xét xử lý trong một vụ án khác.

Đối với thiệt hại diện tích đất tổng chiều dài 543 mét, tương đương diện tích đất rừng bị thiệt hại khi mở đường là 1.934,6m² và số gỗ bị thiệt hại là 7,273m³ gỗ thông thường của xóm C, V (nay là xóm P, xã S) huyện N Cao Bằng. Tại phiên tòa hôm nay đại diện xóm là ông Triệu Tồn N; chức vụ trưởng xóm vắng mặt và đơn vắng mặt trình bày không có ý kiến về trách nhiệm dân sự. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề ra xem xét.

Đối với Liên đoàn địa chất Đông Bắc: Tại đơn xin xét xử vắng mặt của Liên đoàn trình bày không có ý kiến gì về vấn đề bị giả mạo vị trí công tác, không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với Hành vi của Nguyễn Trung Kiên đã trực T2 chỉ đạo đào xới, san ủi đất đã Thuê. Ngày 21/7/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng đã ra quyết định số 908/QĐ-XPHC xử phạt về Hành vi Hủy hoại đất của Nguyễn Trung Kiên với hình thức: Hình phạt chính là Phạt tiền đối với ông Nguyễn Trung Kiên mức phạt 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Nguyễn Trung Kiên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; mọi chi phí tổ chức thi HÀNH biện pháp khắc phục hậu quả do ông Nguyễn Trung Kiên chi trả. Xét thấy việc xử phạt đối với Nguyễn Trung Kiên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Đàm Văn T3 là người điều khiển máy xúc san gạt, mở đường đến địa điểm thăm dò, khai thác, không biết các đối tượng thực hiện Hành vi thăm dò khoáng sản trái pháp luật nên không đủ yếu tố cấu Thành tội phạm. Ngày 21/7/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng đã ra quyết định số 906/QĐ-XPHC

xử phạt về Hành vi phá rừng trái pháp luật đối với Đàm Văn Thắng bằng hình thức: Hình phạt chính là Phạt tiền, mức phạt 112.500.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*); Hình thức phạt bổ sung: Tịch T tang vật vi phạm HÀNH chính 107 cây gỗ, loài thông thường, khối lượng 7,273m³, trả lại 01 máy xúc nhãn hiệu SANNY 215 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Đình Tuân; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trồng lại rừng trên diện tích 1.934,6m³ đã bị san gạt mở đường. Xét thấy việc xử phạt đối với ông Đàm Văn T3 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với việc cho Thuê đất của hộ gia đình ông Lý Đào H1 đã cho Thuê đất, không tuân thủ theo quy định của Luật đất đai, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 hướng dẫn xử phạt vi phạm HÀNH chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 21/7/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng đã ra quyết định số 907/QĐ-XPHC xử phạt ông Lý Đào H1 về Hành vi cho Thuê đất mà chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức: Hình phạt chính là phạt tiền, mức phạt 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), biện pháp khắc phục hậu quả: Ông Lý Đào H1 buộc HÀ trả tiền cho Thuê, cho Thuê lại đất đã T cho ông Nguyễn Trung Kiên với số tiền là 10.000.000 đồng. Xét thấy việc xử phạt đối với ông Lý Đào H1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đối với yêu cầu của người liên quan ông Lý Đào H1 về việc buộc các bị cáo có trách nhiệm thực hiện việc san gạt lại đất (Hoàn thổ) đã thuê của gia đình không có căn cứ pháp lý, trường hợp chứng minh được thiệt hại thì sẽ giải quyết Thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Đào Thị Y, Nguyễn Trung Kiên phạm tội “Giả mạo vị trí công tác”.

2. Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ Điều 339; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Văn T và Đào Thị Y.

- Căn cứ Điều 339; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trung Kiên.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 483, 493, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T **24** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **48** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/5/2024.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện Q, Thành phố HÀ Nội trực T2 quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ, giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Y **18** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/5/2024.

Giao bị cáo Đào Thị Y cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, Thành phố HÀ Nội trực T2 quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ, quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung Kiên **12** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/5/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Trung Kiên cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện N, tỉnh Thái Nguyên trực T2 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ, quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi HÀNH án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi HÀNH án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp HÀNH hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bác yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Đào H1 về việc buộc các bị cáo có trách nhiệm thực hiện việc san gạt lại đất (Hoàn thổ) đã Thuê của gia đình do không có căn cứ pháp lý.

5. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch T, phát mại sung quỹ NHÀ nước 02 (*Hai*) điện thoại di động đã qua sử dụng: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, có số IMEI: 353047093633851; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, có số IMEI: 353266543015572.

Vật chứng trên hiện đang được lưu kho và bảo quản tại Chi cục Thi HÀNH án dân sự huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 15 ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa cơ quan Viện kiểm sát và Chi cục Thi HÀNH án dân sự huyện Nguyên Bình.

6. Về án phí: Buộc các bị cáo Đào Thị Y, Phạm Văn T, Nguyễn Trung Kiên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách NHÀ nước.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần liên quan trực T2 đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần liên quan trực T2 đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Sở TN & MT tỉnh Cao Bằng.;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- UBND xã R - Q - HÀ NỘI;
- UBND xã S - S - HÀ NỘI;
- UBND xã D - N - Thái Nguyên;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị T Lịch